TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2020.
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Huỳnh Trung Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Châu Quốc Tuấn**

2. Ông **Trần Văn Bé Hai**

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Trần Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 223/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thanh M**, năm sinh 1987;

2. Bị đơn: **Võ Đăng K**, sinh năm 1987.

Cùng HKTT: Số 04, đường Phan Chu Trinh, tổ 7, khóm 1, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Phòng số 02 Nhà Công vụ Bệnh viện Tâm Thần tỉnh Đồng Tháp, tổ 3, ấp 4, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh M trình bày: Chị và anh K tự tìm hiểu quen nhau và được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 15/11/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau do vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, cùng với việc chị mâu thuẫn với gia đình chồng nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 4/2019, chị nộp đơn xin ly hôn với anh K, khi hòa giải Tòa án đã động viên để cả hai cho nhau cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng cả năm nay vợ chồng không có tiếng nói chung, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, chị luôn sống trong lo sợ vì anh K cứ hăm dọa đánh và giết chị.

Nhận thấy không còn tình cảm với anh K, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh K.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Minh Đ, sinh ngày 16/12/2013, hiện đang sống chung với chị và anh K. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Võ Đăng K trình bày: Anh thống nhất với nội dung về thời gian chung sống, cũng như mâu thuẫn của vợ chồng như chị M trình bày. Trong cuộc sống đôi lúc vợ chồng cũng có mâu thuẫn và cự cãi nhau; tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M, vì anh cho rằng con chung còn nhỏ cần có đủ cha mẹ bên cạnh chăm sóc, nuôi dưỡng, đến khi con chung học xong hết cấp 1, nếu lúc đó chị M vẫn muốn ly hôn thì anh sẽ đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Minh Đ, sinh ngày 16/12/2013, hiện đang sống chung với anh và chị M. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Trích lục kết hôn (bản sao);

- Trích lục khai sinh Võ Minh Đ (bản sao);

- Giấy CMND Nguyễn Thị Thanh M (bản photo);

- Giấy CMND và sổ hộ khẩu Võ Đăng K (bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Võ Đăng K; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Minh Đ, sinh ngày 12/6/2013, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con"*.

- Anh Võ Đăng K là người bị kiện có địa chỉ tại ấp 4, xã Mỹ Thọ, huyện

Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[2] Về nội dung: Về hôn nhân, chị M và anh K đám cưới, chung sống với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống; chị M lại có mâu thuẫn với gia đình chồng nên mâu thuẫn vợ chồng ngày thêm trầm trọng; đến tháng 4/2019 chị M đã nộp đơn xin ly hôn với anh K, khi hòa giải Tòa án đã động viên để cả hai cho nhau cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng cả năm nay vợ chồng không có tiếng nói chung, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, chị M luôn sống trong lo sợ vì anh K cứ hăm dọa đánh và giết chị M. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh K là có căn cứ. Đồng thời, anh K cho rằng không muốn ly hôn với chị M với lý do con chung còn nhỏ, muốn vợ chồng cùng nhau nuôi dưỡng con chung đến khi con chung học xong cấp 1; điều này cho thấy anh K cũng không còn tình cảm với chị M và cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị M yêu cầu được ly hôn với anh K là phù hợp nên chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Minh Đ, sinh ngày 16/12/2013, hiện nay cháu Đ đang sống với chị M và anh K; khi ly hôn, chị M và anh K đều yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử cho rằng cả chị M và anh K đều có điều kiện và khả năng nuôi cháu Minh Đ. Tuy nhiên, cháu Minh Đ còn nhỏ cần được sự quan tâm, chăm sóc, dạy dỗ, mà điều này thì người phụ nữ sẽ chu đáo, đảm đang và chịu khó hơn người đàn ông. Đồng thời, mỗi lần cháu Minh Đ ốm đau thì người luôn bên cạnh chăm sóc cháu Minh Đ là chị M; từ khi cháu Minh Đ sinh ra và lớn hơn như hôm nay thì người dành nhiều thời gian bên cạnh chăm sóc, chơi đùa, dạy bảo cháu Minh Đ cũng là chị M. Anh K tuy sống chung nhà, nhưng sau giờ làm thì hay giao lưu nhậu nhẹt với bạn bè đồng nghiệp, ít dành thời gian chăm sóc, gần gũi cháu Minh Đ. Do đó, để chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung sẽ đảm bảo cho cháu Minh Đ được chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo và thuận tiện hơn. Nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Minh Đ cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003531 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh M.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh M được ly hôn với anh Võ Đăng K.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Minh Đ, sinh ngày 16/12/2013; anh Võ Đăng K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không có yêu cầu. Anh Võ Đăng K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003531 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- Tòa án tỉnh;
- Lưu (NT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Trung Dũng